TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CON CUÔNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HS-ST
Ngày 18 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hiền, ông Lê Thanh Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2025/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lương Văn N**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 03 tháng 7 năm 1977 tại xã B C, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An; Nơi thường trú: Bản X, xã B C, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Nông dân; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Con ông Lương Văn Á (Đã chết), con bà Lương Thị P (Đã chết); Có vợ là Kha Thị H, sinh năm 1976 và có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2011, bị Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An xử phạt 07 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* (Đã xóa án tích); Năm 2021 bị Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An xử 17 tháng tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* (Đã xóa án tích). Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/02/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn N: Ông Nguyễn Văn Hùng – Trợ giúp viên thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An
Người được ủy quyền: Ông Trần Anh Tuấn - Chức vụ: Phó Chủ tịch
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Anh Lê Tuấn S, sinh năm 1992 - Chức vụ: Kiểm lâm viên. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thị trấn Tr L, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2006, gia đình Lương Văn N được Ủy ban nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An giao quyền sử dụng thửa đất số 17230.5.501, tờ bản đồ số 5 (Bản đồ lâm nghiệp 163) với diện tích 127.869m^2 tại khu vực Khe Hột, thuộc bản X, xã B C, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Đến ngày 29/12/2023, Ủy ban nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 4203/QĐ-UBND về việc giao đất rừng cho hộ gia đình, cá nhân tại xã B C, huyện Con Cuông, trong đó có giao cho hộ gia đình Lương Văn N thực hiện việc quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng được giao theo đúng quy định của pháp luật trên thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận. Khoảng tháng 9 năm 2024, do muốn phát triển kinh tế từ việc trồng cây keo nên Lương Văn N đã mang theo 01 con dao (dạng dao thái, dài 46cm) một mình đi vào khu vực rừng tại các lô 32, 35, 37, 38 và 39, khoảnh 7, tiểu khu 737, thửa đất số 501, tờ bản đồ số 5, bản X, xã B C, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An để chặt toàn bộ các cây nứa, dây leo, bụi rậm và một số cây thân gỗ nhỏ. Đối với các cây thân gỗ lớn còn lại thì Lương Văn N sử dụng một máy cưa xăng cầm tay nhãn hiệu KYORITSY ECHO để cưa hạ. Lương Văn N chặt phát rừng trong thời gian 08 ngày thì dừng lại.

Ngày 01/01/2025, Tổ công tác Hạt kiểm lâm huyện Con Cuông và Ủy ban nhân dân xã B C, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An kiểm tra và phát hiện diện tích rừng bị chặt nên tổ công tác đã tiến hành lập hồ sơ. Ngày 20/01/2025, Hạt kiểm lâm Con Cuông đã chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Con Cuông đề nghị khởi tố vụ án hình sự.

Ngày 14/02/2025, đoàn kiểm tra liên ngành đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, vẽ sơ đồ, xác định hiện trạng rừng bị chặt phá đã xác định: Khu vực rừng bị Lương Văn N chặt phá gồm các lô 32, 35, 37, 38 và 39, khoảnh 7, tiểu khu 737, thửa đất số 501, tờ bản đồ số 5, thuộc bản X, xã B C, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Diện tích bị tác động là 13.417m^2. Diện tích rừng bị hủy hoại có trạng thái rừng là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu là TXK – rừng tự nhiên có trữ lượng).

Tại công văn số 564/SNN-KL Ngày 18/02/2025 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An xác định tổng diện tích bị tác động là 13.417m^2 có trạng thái là Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK) (rừng tự nhiên có trữ lượng). Toàn bộ diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An giao cho hộ gia đình Lương Văn N, trú tại bản X, xã B C, huyện Con Cuông, Nghệ An quản lý sử

dụng (chỉ giao đất chưa giao tài sản là rừng gắn liền với đất. Rừng trên đất thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện Con Cuông).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS, ngày 09/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Con Cuông kết luận:

"Rừng tự nhiên bị hủy hoại tại các lô 32, 35, 37, 38, 39, khoảnh 7, tiểu khu 737, thửa đất số 501, tờ bản đồ số 5, thuộc địa phận bản X, xã B C, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An có tổng diện tích 13.417m^2 (mười ba nghìn bốn trăm mười bảy mét vuông), có trạng thái rừng là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK) (rừng tự nhiên có trữ lượng gỗ), trữ lượng bình quân trung bình trên 01 hecta khu vực bị tác động: 23,601m^3/ha có giá trị là 11.080.000 đồng.

Cáo trạng số: 28/CT-VKS - CC ngày 29/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông đã truy tố bị cáo Lương Văn N về tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Lương Văn N mức án từ 01 năm 06 đến 02 năm tù; Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo; Xử lý vật chứng vụ án theo quy định; Miễn toàn bộ án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến bào chữa: Đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, nhận thức về pháp luật còn hạn chế; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, sau khi biết hành vi của mình vi phạm pháp luật và gây ra thiệt hại bị cáo đã nộp 06 triệu đồng nhằm khắc phục hậu quả. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất, miễn hình phạt bổ sung, miễn tiền án phí cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của cơ quan

điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Trong quá trình điều tra: Cơ quan điều tra, Điều tra viên được phân công điều tra đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về việc kiểm tra, xác minh, thu thập chứng cứ, lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm; lập hồ sơ vụ án; hỏi cung bị cáo; giao nhận các văn bản tố tụng đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện nghiêm túc hoạt động kiểm sát điều tra; giao nhận các văn bản tố tụng đúng thời hạn theo quy định của pháp luật; tham gia phiên tòa đúng thời gian, địa điểm; công bố bản cáo trạng; tham gia xét hỏi, luận tội, tranh luận và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đồng thời thực hiện việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại Tòa án cũng như người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử.

Bị cáo, Người bào chữa cho bị cáo, nguyên đơn dân sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Do các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên và Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên hợp pháp và được sử dụng làm chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào tháng 9 năm 2024, Lương Văn N đã có hành vi chặt phá rừng tại các lô 32, 35, 37, 38, 39 khoảnh 7, tiểu khu 737, thửa đất số 501, tờ bản đồ số 5, thuộc bản X, xã B C, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An là rừng tự nhiên có trữ lượng với tổng diện tích 13.417m^2, giá trị rừng tại thời điểm bị hủy hoại là 11.080.000 đồng . Mục đích chặt phá rừng là để trồng keo phát triển kinh tế gia đình.

[3] Xét tính chất vụ án: Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến các quy định của nhà nước trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, làm xâm hại đến sự bền vững và ổn định của môi trường sinh thái mà còn gây mất trật tự an ninh ở địa phương, bị cáo đã bị xét xử nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức nghiêm minh, tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên xét bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức về pháp luật còn hạn chế, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã chủ động nộp 6.000.000đồng

nhằm khắc phục hậu quả. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng Điều 54 cho bị cáo hưởng mức án dưới khung hình phạt như lời người bào chữa là có căn cứ.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, hoàn cảnh khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Thiệt hại mà bị cáo gây ra là 11.080.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn dân sự vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình điều tra nguyên đơn dân sự yêu cầu Tòa án buộc bị cáo bồi thường thường toàn bộ số tiền nói trên. Xét yêu cầu của nguyên đơn dân sự là hợp lý nên được chấp nhận.

[6] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 máy cưa xăng nhãn hiệu KYORITSU ECHO, vỏ máy bằng nhựa màu cam - đen; lưỡi cưa bằng kim loại, dài 48cm, phần lưỡi sắc của cưa được gắn một dây xích kim loại dài 112cm nay cần tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước. Đối với 01 con dao (dạng dao thái) dài 46cm; phần lưỡi dao bằng kim loại, dài 27cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao 6cm, nơi hẹp nhất 3cm, cán dao làm bằng gỗ hình trụ tròn là vật chứng hiện không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lương Văn N 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “Hủy hoại rừng”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam bị cáo để thi hành án.

Về dân sự: Áp dụng Điều 585, Điều 589 của BLDS buộc bị cáo Lương Văn N bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện Con Cuông số tiền 11.080.000 đồng.

Tạm giữ số tiền 6.000.000đồng bị cáo Lương Văn N nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Con Cuông theo BL số 0000188, ngày 02/6/2025 để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Hóa giá sung công quỹ Nhà nước 01 máy cưa xăng nhãn hiệu KYORITSU ECHO; Tịch thu tiêu hủy 01 con Dao có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/02/2025 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Con Cuông và Chi cục thi hành án dân sự huyện Con Cuông.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND huyện Con Cuông;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Công an tỉnh Nghệ An;
- Chi cuc THADS huyện Con Cuông;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Bảo